

Luật số: /2025/QH15

Dự thảo 25.8

LUẬT
TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP¹

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; các biện pháp **ứng phó, khắc phục** được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; tổ chức thi hành Nghị quyết ban bố, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 2. Tình trạng khẩn cấp

1. Tình trạng khẩn cấp là trạng thái xã hội được **cấp có thẩm quyền ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp** tại một hay nhiều địa phương hoặc trên phạm vi cả nước khi **có thảm họa hoặc nguy cơ xảy ra thảm họa đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người, tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân hoặc có tình hình đe dọa nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**.

2. Tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- Tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;**
- Tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;**
- Tình trạng khẩn cấp về thảm họa.**

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động trong tình trạng khẩn cấp

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

3. Huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò, **trách nhiệm** của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, **cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp** và sự tham gia tích cực của Nhân dân **trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả của tình trạng khẩn cấp**.

¹ Phần **in nghiêng, đậm** là nội dung tiếp thu, chỉnh lý

4. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, có sự phân công, phân cấp, phân quyền, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng trong tình trạng khẩn cấp; **xác định** trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong chỉ đạo, điều hành.

5. Bảo đảm tính **linh hoạt**, kịp thời trong việc áp dụng, điều chỉnh, chấm dứt các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp.

6. Việc áp dụng các biện pháp **làm** hạn chế quyền con người, quyền công dân phải thật sự cần thiết, **có** căn cứ rõ ràng, **tương xứng với tính chất, mức độ sự cố, thảm họa**, mục đích chính đáng và không phân biệt đối xử.

7. Việc quyết định các biện pháp nhằm ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp gây ra thiệt hại thì **người ra quyết định** không **phải** chịu trách nhiệm **khi** quyết định đó không có động cơ vụ lợi.

8. **Ứng phó tình trạng khẩn cấp phải chuẩn bị từ sớm, từ xa; chủ động thực hiện bốn tại chỗ kết hợp với hỗ trợ của trung ương, địa phương và cộng đồng quốc tế; chủ động cảnh báo, dự báo, đánh giá nguy cơ xảy ra tình trạng khẩn cấp.**

Điều 4. Áp dụng Luật Tình trạng khẩn cấp và các luật khác có liên quan

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định **khác** của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định về tình trạng khẩn cấp mà Luật này không quy định **và không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này** thì được thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về tình trạng khẩn cấp thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện theo quy định của luật đó nhưng không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong tình trạng khẩn cấp

1. **Chống đối, cản trở**, không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, yêu cầu của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong tình trạng khẩn cấp.

2. Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để trục lợi, xâm phạm **lợi ích Nhà nước, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong tình trạng khẩn cấp gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

4. **Trì hoãn, từ chối việc** hoàn trả tài sản **trung dụng** của tổ chức, cá nhân hoặc không bồi thường thiệt hại do việc **huy động**, trưng dụng tài sản gây ra cho các tổ chức, cá nhân theo quy định **của Luật này và pháp luật có liên quan**.

5. **Đưa tin sai sự thật về tình trạng khẩn cấp.**

Điều 6. Hoạt động tổ tụng trong tình trạng khẩn cấp

1. *Trong tình trạng khẩn cấp, trên cơ sở nguyên tắc tổ tụng, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được điều chỉnh thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tiễn, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.*

2. *Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định hoạt động tố tụng trong tình trạng khẩn cấp.*

Điều 7. Thời hạn, thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, giải quyết vụ việc dân sự và thi hành án hành chính, dân sự trong tình trạng khẩn cấp

1. Khoảng thời gian áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, 14 và Điều 15 của Luật này không tính vào **thời hạn**, thời hiệu xử lý, giải quyết vi phạm hành chính, khởi kiện, giải quyết vụ việc dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án hành chính, dân sự, khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

2. **Thời hạn**, thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này tiếp tục sau khi kết thúc thời hạn áp dụng các biện pháp nêu trên.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về tình trạng khẩn cấp

1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế

- a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi;
- b) Tuân thủ pháp luật của Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan;
- c) *Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của tình trạng khẩn cấp.*

2. Nội dung hợp tác quốc tế

- a) *Trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo tình trạng khẩn cấp về thảm họa;*
- b) *Tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ ứng phó, khắc phục hậu quả;*
- c) *Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ để ứng phó, khắc phục hậu quả của tình trạng khẩn cấp.*

3. Trường hợp đã ban bố tình trạng khẩn cấp về thảm họa, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đề nghị các quốc gia, các tổ chức quốc tế, cá nhân hỗ trợ nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó và phối hợp triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định việc tiếp nhận, điều phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ từ nước ngoài và việc đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Chương II

BAN BỐ, CÔNG BỐ, BÃI BỎ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp. Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp, Chủ tịch nước công bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp.

2. Trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước **ra Lệnh** công bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp.

3. Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội **quyết định** ban bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp **được** thì đề nghị Chủ tịch nước công bố, **bãi bỏ** tình trạng khẩn cấp.

4. Tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ khi thảm họa đã được ngăn chặn, khắc phục; tình hình quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã ổn định.

Điều 10. Nội dung Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp

1. Nội dung Nghị quyết ban bố của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh công bố của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- a) Lý do ban bố, **công bố** tình trạng khẩn cấp;
- b) Địa bàn được đặt trong tình trạng khẩn cấp;
- c) Thời điểm áp dụng tình trạng khẩn cấp;
- d) **Trách nhiệm** tổ chức thi hành.

2. Nội dung Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước bãi bỏ tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- a) **Căn cứ bãi bỏ tình trạng khẩn cấp;**
- b) **Thời điểm bãi bỏ tình trạng khẩn cấp;**
- c) **Trách nhiệm, tổ chức thực hiện.**

Điều 11. Thông tin về tình trạng khẩn cấp

1. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp quy định tại khoản 1 **và khoản 2 Điều 9 của Luật này** phải được thông báo ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân **các cấp** nơi ban bố tình trạng khẩn cấp.

2. Việc ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp được thông báo ngay cho các quốc gia thành viên Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương có

trách nhiệm thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình trạng khẩn cấp đến người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Sử dụng chung số điện thoại tiếp nhận thông tin về sự cố, thảm họa quy định tại pháp luật về phòng thủ dân sự để tiếp nhận thông tin khẩn cấp trên phạm vi toàn quốc.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC ÁP DỤNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 12. Nguyên tắc, thẩm quyền áp dụng biện pháp trong tình trạng khẩn cấp

1. Việc áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, 14 và Điều 15 của Luật này phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Ưu tiên việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, tính mạng, sức khỏe của người dân;

b. Áp dụng một hoặc nhiều biện pháp để linh hoạt trong việc ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp.

2. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền:

a) Quyết định áp dụng biện pháp quy định tại Chương III của Luật này và thời hạn áp dụng;

b) Quyết định cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành biện pháp trong tình trạng khẩn cấp;

c) Trong trường hợp thật cần thiết, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, quyết định áp dụng các biện pháp mà pháp luật chưa quy định để ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp hoặc áp dụng các biện pháp quy định trong Luật này khi chưa ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp.

d) Thủ tướng Chính phủ có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định áp dụng biện pháp quy định tại điểm a khoản này.

đ) Thủ tướng Chính phủ báo cáo việc áp dụng các biện pháp quy định tại khoản này với cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất.

Điều 13. Biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa

Trên địa bàn đã ban bố tình trạng khẩn cấp về thảm họa có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

1. Biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3 và biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

2. Các biện pháp ứng phó sự cố về môi trường, hóa chất, bức xạ, hạt nhân, năng lượng hoặc các sự cố khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cưỡng chế di dời người dân trong các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn.
4. Tổ chức lực lượng để bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội, **tăng cường bảo vệ các cơ quan, tổ chức, cá nhân** trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp.
5. Yêu cầu các doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất sang hàng hóa cần thiết cho ứng phó thảm họa.
6. **Áp dụng biện pháp** bình ổn giá **theo quy định của pháp luật về giá** đối với lương thực, thực phẩm, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và một số hàng hoá thiết yếu khác; **tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, gây khan hiếm giả, sản xuất hàng giả, hàng nhái, nhất là các hàng hóa thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch bệnh.**
7. **Sử dụng biện pháp vũ trang để ngăn chặn, bắt giữ người và phương tiện vi phạm trong tình trạng khẩn cấp.**
8. **Kiểm soát việc đăng tải thông tin về tình trạng khẩn cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng.**

9. Tạm đình chỉ chức vụ người đứng đầu cơ quan nhà nước thực hiện không đúng chức trách trong thời gian thi hành Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp; chỉ định người thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu.

Điều 14. Biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Trên địa bàn đã ban bố tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

1. **Biện pháp** phòng thủ dân sự **được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp** quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.
2. **Các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.**
3. **Biện pháp** áp dụng trong tình trạng giới nghiêm quy định tại Luật Quốc phòng.
4. Tăng cường bảo vệ các cơ quan trọng yếu, cơ mật và cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương, khách mời của Đảng và Nhà nước; đài phát thanh, đài truyền hình, bưu điện, đơn vị thông tin; cơ quan thông tấn, cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam; khu quân sự, công trình quốc phòng, an ninh, kho bạc, sân bay, bến cảng và các công trình quan trọng khác của Nhà nước; biên giới quốc gia và các cửa khẩu biên giới; trại giam, trại tạm giam và những cơ quan, địa điểm quan trọng khác.
5. Kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng; kiểm duyệt các xuất bản phẩm; đình chỉ việc xuất bản và thu hồi các ấn phẩm, xuất bản phẩm có nội dung gây nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

6. Chỉ định sân bay hạ cánh cho tàu bay, **noi** cập bến, **neo đậu** cho tàu **thuyền**, nhà ga cho tàu hỏa, điểm đỗ cho ô tô và các phương tiện giao thông khác; kiểm soát các chuyến bay quá cảnh qua địa bàn có tình trạng khẩn cấp.

7. Tổ chức Đội công tác tuyên truyền đặc biệt, **Đội tuần tra đặc biệt**.

8. Đặt các trạm canh gác và kiểm tra giấy tờ, vật phẩm, hành lý của người qua lại trạm canh gác và kiểm soát.

9. Sử dụng vũ lực, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, giữ người và phương tiện giao thông cố tình vượt trái phép trạm canh gác và kiểm soát hoặc chống lại việc canh gác, kiểm soát.

10. **Tạm giữ** hoặc phong tỏa tài sản của các cá nhân, tổ chức liên quan có thể gây nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

11. Hạn chế hoặc cấm các giao dịch kinh tế, thương mại với một số quốc gia hoặc tổ chức có liên quan đến tình trạng khẩn cấp.

Điều 15. Biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng

Trên địa bàn đã ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

1. Biện pháp áp dụng trong tình trạng thiết quân luật quy định tại Luật Quốc phòng.

2. Quản lý đặc biệt đối với việc sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc và dịch vụ viễn thông.

3. Thiết lập thủ tục đặc biệt công nhận các phóng viên, báo chí trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp và quy trình cho hoạt động tác nghiệp của phóng viên.

4. Cấm xuất khẩu đối với các mặt hàng có liên quan đến quốc phòng.

Điều 16. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp

1. Cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm và hỗ trợ tâm lý người dân; thực hiện công tác chính sách, bảo đảm đời sống cho Nhân dân.

2. Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và triển khai phương án khắc phục hậu quả.

3. Bố trí nơi ăn ở tạm thời phục vụ việc di dời khẩn cấp các hộ dân đang sinh sống ở địa bàn áp dụng tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an toàn, ổn định cuộc sống cho người dân.

4. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức khắc phục thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp, phục hồi sản xuất, kinh doanh.

5. Bảo đảm an toàn và hoạt động của các hệ thống giao thông công cộng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cung cấp điện, y tế, phát thanh truyền hình.

6. Các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường.

Điều 17. Thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại ***được quy định như sau:***

a) Thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê và pháp luật chuyên ngành;

b) Thực hiện kịp thời, liên tục, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động ứng phó, khắc phục ***hậu quả***;

c) Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng thực tế về mức độ thiệt hại;

d) Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục ***hậu quả***.

2. Nội dung thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại ***bao gồm:***

a) Điều tra, thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến thống kê thiệt hại;

b) Kiểm tra, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê thiệt hại ở các cấp theo quy định;

c) Phân tích, đánh giá nguyên nhân, ước tính thiệt hại, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, khắc phục hậu quả;

d) Lập báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại theo lĩnh vực quản lý.

4. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại do tình trạng khẩn cấp thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý.

Điều 18. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Nguyên tắc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ ***được quy định như sau:***

a) Tuân theo quy định của pháp luật, căn cứ vào mức độ thiệt hại, chia sẻ thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ để bảo đảm ***kịp thời***, công bằng, công khai, ***minh bạch***, tránh trùng lặp;

b) Việc cứu trợ, hỗ trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng do thảm họa, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

c. Trang thiết bị, tài sản được huy động phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ; trường hợp bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ ***được quy định như sau:***

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực theo thẩm quyền để phục vụ

công tác cứu trợ khẩn cấp và **thực hiện chính sách** hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia;

b) Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và **thực hiện chính sách** hỗ trợ; phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và **thực hiện chính sách** hỗ trợ;

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với chính quyền, **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương**, nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và **thực hiện chính sách** hỗ trợ.

Điều 19. Cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp

1. Đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ bao gồm:

a) *Cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết, mất tích;*

b) *Doanh nghiệp được hỗ trợ để thực hiện chuyển đổi sản xuất hàng hóa cần thiết ứng phó thảm họa;*

c) *Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và hàng hóa thiết yếu có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe, ưu tiên quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương.*

2. *Ưu tiên cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh và hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác để ổn định đời sống, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường ở địa bàn bị tác động của tình trạng khẩn cấp. Phương tiện làm nhiệm vụ, vận chuyển thuốc, dược phẩm, hàng hóa, trang thiết bị đến địa bàn xảy ra thảm họa được miễn phí giao thông đường bộ.*

3. Nguồn lực cho cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp từ hàng dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hàng năm của ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế, quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác, nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chính sách hỗ trợ

1. *Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhằm nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.*

2. *Đối tượng được hỗ trợ bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng khẩn cấp.*

3. Chính sách hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) *Thực hiện hỗ trợ về tài chính, thuế, phí, lệ phí, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, lao động, việc làm, xuất cảnh, nhập cảnh, an sinh xã hội;*

b) *Đối với những chính sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trước khi thực hiện; trong trường hợp cấp thiết, Chính phủ quyết định áp dụng các chính sách và báo cáo ngay Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Nguồn lực ứng phó, hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp

1. Nguồn tài chính phục vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác;
- d) Nguồn lực từ hỗ trợ quốc tế;
- đ) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho **phòng ngừa**, ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho khu vực biên giới, hải đảo, khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

3. Sử dụng các quỹ tài chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp: Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính Nhà nước khác.

4. Nhà nước có kế hoạch dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó trong tình trạng khẩn cấp. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó trong tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 22. Đào tạo, huấn luyện, diễn tập về tình trạng khẩn cấp

1. Đào tạo, huấn luyện về tình trạng khẩn cấp được quy định như sau:

a) **Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện ứng phó với các tình huống khẩn cấp cho lực lượng vũ trang;**

b) **Bộ trưởng các Bộ có lực lượng chuyên trách về phòng thủ dân sự xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện ứng phó với các tình huống khẩn cấp cho lực lượng do Bộ mình quản lý;**

c) **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo công tác huấn luyện ứng phó với các tình huống khẩn cấp cho lực lượng tại địa phương.**

2. Diễn tập về tình trạng khẩn cấp được quy định như sau:

a) **Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức diễn tập về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;**

b) **Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức diễn tập về tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;**

c) **Các Bộ trong phạm vi quản lý về ngành, lĩnh vực, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và địa phương tổ chức diễn tập về tình trạng khẩn cấp về thảm họa;**

d) **Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức diễn tập về tình trạng khẩn cấp về thảm họa, trật tự, an toàn xã hội.**

Điều 23. Chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong tình trạng khẩn cấp

1. Người được điều động, huy động làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền *được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và được hưởng chính sách đặc thù.*

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ hoạt động trong tình trạng khẩn cấp có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị *chết, bị* thương, tổn hại sức khỏe thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách *theo quy định của pháp luật.*

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

**TỔ CHỨC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT BAN BỐ, BÃI BỎ
LỆNH CÔNG BỐ, BÃI BỎ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

Điều 24. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy trong tình trạng khẩn cấp

1. Chính phủ tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự địa phương các cấp chỉ đạo, *chỉ huy* hoạt động *trong tình trạng khẩn cấp* về thảm họa.

3. Ban Chỉ huy Bảo vệ an ninh quốc gia *theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia* tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

4. Ban Chỉ huy Tình trạng khẩn cấp về quốc phòng *theo quy định của pháp luật về quốc phòng* tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

Điều 25. Điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp

1. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an điều động lực lượng thuộc quyền đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về thảm họa để hỗ trợ các lực lượng tại chỗ *ứng phó*, cứu hộ, khắc phục hậu quả của thảm họa hoặc để ổn định, duy trì an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 26. Thẩm quyền, biện pháp xử lý người bị tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp

1. *Trong tình trạng khẩn cấp, ngoài các lực lượng có thẩm quyền tạm giữ người, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, Đội trưởng Đội tuần tra*

đặc biệt có thẩm quyền tạm giữ người vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như thẩm quyền của Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Trưởng Công an cấp xã quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đồn trưởng Đồn tuần tra đặc biệt xử lý người bị tạm giữ như sau:

a) Trường hợp người bị tạm giữ có dấu hiệu tội phạm, chậm nhất sau bốn mươi tám giờ phải chuyển giao người bị tạm giữ cùng toàn bộ hồ sơ, tang vật cho cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp người vi phạm hành chính mà không có giấy tờ tùy thân hợp lệ thì bị tạm giữ cho đến khi xác minh được nhân thân của người đó, nhưng không quá sáu giờ kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

3. Trong thời gian chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc được trả tự do theo quy định tại Điều này, người bị tạm giữ được tạm giữ tại cơ sở tạm giữ theo quy định pháp luật.

Điều 27. Chỉ huy lực lượng trong tình trạng khẩn cấp

1. Việc chỉ huy các lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định.

2. Người chỉ huy đơn vị Quân đội, Công an điều động và chỉ huy lực lượng thuộc quyền chủ trì hoặc phối hợp thực hiện hoạt động trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 28. Lực lượng thi hành trong tình trạng khẩn cấp

1. Lực lượng thực hiện nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp bao gồm:

a) Lực lượng nòng cốt;

b) Lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Lực lượng của các bộ, ngành và địa phương.

Đội ứng phó khẩn cấp, Đội công tác tuyên truyền đặc biệt, Đội tuần tra đặc biệt được thành lập từ lực lượng nòng cốt.

3. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập, ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp

1. Trang thiết bị cho lực lượng nòng cốt bao gồm các loại phương tiện, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động trong tình trạng khẩn cấp và thiết bị, vật tư bảo đảm an toàn cho lực lượng thi hành trong tình trạng khẩn cấp.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục trang thiết bị bảo đảm cho hoạt động trong tình trạng khẩn cấp và thiết bị, vật tư bảo đảm an toàn cho lực lượng thi hành trong tình trạng khẩn cấp.

3. Bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập, ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp theo danh mục quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 30. Áp dụng pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Việc áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, 14 và Điều 15 của Luật này dẫn đến việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không thể thực hiện được các nghĩa vụ được áp dụng quy định pháp luật về **sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.**

Điều 31. Biện pháp áp dụng sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp và các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giúp đỡ Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, phục hồi sản xuất.

2. Người bị tạm giữ trước khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ nhưng chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 của Luật này thì cơ quan đang tạm giữ người đó phải xem xét, chuyển giao ngay.

3. Người đang bị tạm giữ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật này được trả tự do ngay.

4. Người bị bắt, giam, giữ trái pháp luật hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền gây ra được khôi phục danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, **doanh nghiệp và người dân và báo cáo Quốc hội theo quy định của pháp luật.**

2. Quy định các biện pháp để ứng phó trong tình trạng khẩn cấp khi các biện pháp quy định tại Luật này và các luật khác có liên quan không thể ứng phó hiệu quả.

Điều 33. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Quốc phòng là đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp; chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; chủ trì tổ chức lực lượng của Việt Nam tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả của tình trạng khẩn cấp ở các quốc gia, vùng lãnh thổ.

3. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý

nhà nước về tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

4. Các Bộ trong phạm vi quản lý về ngành, lĩnh vực, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp về thảm họa.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, địa phương thực hiện ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp về thảm họa.

6. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp tại địa phương.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

Cơ quan, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Tuyên truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước thảm họa.

3. Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động trong tình trạng khẩn cấp.

4. Báo cáo, thông tin chính xác thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp; chủ động *khắc phục hậu quả*, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý.

5. Doanh nghiệp phải chuyển đổi mục đích sản xuất phù hợp *theo yêu cầu* để cung cấp vật tư, nhu yếu phẩm, trang thiết bị bảo đảm chất lượng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày **01** tháng 7 năm **2026**.

2. *Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp số 20/2000/PL-UBTVQH10 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.*

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn